VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý

được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH BÌNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Ninh Bình	
2	Thành phố Tam Điệp	
3	Huyện Gia Viễn	
4	Huyện Hoa Lư	
5	Huyện Kim Sơn	
6	Huyện Nho Quan	
7	Huyện Yên Khánh	
8	Huyện Yên Mô	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 59' 21"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bích Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 59' 39"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Hồ	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 49"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 14"	105° 59' 22"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đông Xuân	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 59' 18"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hưng Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 57"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 44"	106° 00' 04"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Thanh Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 59' 09"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Thanh Xuân	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 55"	105° 59' 05"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Trung Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 48"	105° 59' 26"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Hưng	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 55"	105° 59' 11"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Thắng	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 50"	105° 59' 15"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 59' 11"					F-48-92-D-b
cảng Bích Đào 1	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 06"	105° 59' 54"					F-48-92-B-d
cảng Bích Đào 2	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	105° 59' 59"					F-48-92-B-d
cảng Ninh Phúc	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 06"	106° 00' 06"					F-48-93-A-c
cảng Ninh Phúc 1	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	106° 00' 28"					F-48-93-A-c
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 59' 14"					F-48-92-D-b
Sông Đáy	TV	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d, F-48-93-A-c
cầu Non Nước	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 59"	105° 58' 44"					F-48-92-B-d
cầu Vân Giang	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
đền Đồng Bến	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 01"	105° 58' 15"					F-48-92-B-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 09"	105° 57' 47"	20° 15' 34"	105° 58' 26"	F-48-92-B-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 29"	105° 58' 11"	20° 15' 35"	105° 58' 37"	F-48-92-B-d
đường Lương Văn Thăng	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 15' 45"	105° 58' 04"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 10	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d
Trung tâm Huấn luyện Thể dục thể thao Tỉnh Ninh Bình	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 06"	105° 58' 21"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Cao đẳng Nghề Lilama	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 38"	105° 58' 27"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d
tổ dân phố Bắc Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 35"	105° 58' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Chu Văn An	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 58' 24"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đại Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 58' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 17"	105° 58' 42"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hàn Thuyên	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 29"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Lê Lợi	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 58' 28"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Hà	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 58' 15"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngô Quyền	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 58' 21"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Quang	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 58' 20"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Sơn	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 49"	105° 58' 54"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phú Sơn	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 46"	105° 58' 57"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phú Xuân	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 56"	105° 58' 41"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trại Lộc	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	105° 58' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Tự	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 58' 29"					F-48-92-D-b
cầu vượt Thanh Bình	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 36"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
ga Ninh Bình	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 35"	105° 58' 20"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 34"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thành	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 02"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hòa Bình	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 48"	105° 57' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Lê Lợi	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 57' 30"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Chỉnh 1	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Chỉnh 2	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 49"	105° 58' 09"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Trì	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	105° 57' 47"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Thành	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 57' 54"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tuệ Tĩnh	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 57' 48"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Văn Miếu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 57' 43"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Võ Thị Sáu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 16"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Yết Kiêu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 57' 50"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Vũng Trắm	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 44"	105° 57' 56"					F-48-92-D-b
chùa Phúc Chỉnh	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Công ty Xây dựng số 9	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 04"	105° 57' 46"					F-48-92-D-b
đường 30 tháng 6	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
trạm dừng nghỉ Nam Thành	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 56"	105° 57' 50"					F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Bình Chương	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 04"	105° 57' 25"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Hà	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 13"	105° 57' 21"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Hòa	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 03"	105° 57' 42"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Khang	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 50"	105° 57' 14"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Yên	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 53"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Yên Tây	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 50"	105° 57' 39"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hợp Thành	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 16"	105° 57' 46"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hưng Phúc	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 11"	105° 57' 49"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Bình	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 42"	105° 57' 37"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Minh	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 44"	105° 57' 43"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Tân	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 28"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Kim Đa	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 44"	105° 58' 11"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Mía Đông	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 14"	105° 57' 53"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Thành	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 10"	105° 57' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vinh Quang	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 13"	105° 57' 21"					F-48-92-B-d
Tổ dân phố Mía	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 13"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
chùa A Nậu	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 40"	105° 57' 14"					F-48-92-B-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 17' 09"	105° 57' 47"	20° 15' 34"	105° 58' 26"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
trạm Biến thế 220KV	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 26"	105° 58' 02"					F-48-92-B-d
Núi Sệu	SV	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 43"	105° 57' 11"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
tổ dân phố An Hòa	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 09"	105° 57' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố An Lạc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 28"	105° 58' 10"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đa Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 02"	105° 58' 45"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đoàn Kết	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 59"	105° 58' 00"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đức Thế	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 30"	105° 58' 19"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Nam Phong	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 03"	105° 58' 18"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Đoài	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 17"	105° 58' 16"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 05"	105° 58' 48"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phúc Lai	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 57"	105° 58' 12"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Lâm	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 52"	105° 58' 41"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 13"	105° 58' 49"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Tương Lai	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 07"	105° 57' 58"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vân Giang	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 38"	105° 57' 54"					F-48-92-D-b
cầu Ba Vuông	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 08"	105° 57' 42"					F-48-92-D-b
cầu Sông Hệ	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 40"	105° 57' 33"					F-48-92-D-b
cầu Vũng Trắm	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 44"	105° 57' 56"					F-48-92-D-b
Cầu Yên	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 40"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
đường 30 tháng 6	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-D-b
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b
đường Nguyễn Minh Không	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Ninh Bình	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 28"	105° 58' 17"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hệ	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thịnh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 33"	105° 59' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bích Đào	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 59' 29"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hợp Thiện	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 22"	105° 59' 08"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hương Phúc	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 24"	105° 59' 31"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Nam Thịnh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 23"	105° 59' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Đào	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 37"	105° 59' 37"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Khánh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 10"	105° 59' 26"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phương Đình	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 02"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thanh Bình	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 50"	105° 59' 05"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thiện Tân	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 31"	105° 59' 12"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thiện Tiến	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 11"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thượng Lân	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 16"					F-48-92-D-b
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Vạc	TV	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Hải	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 58' 14"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Hòa	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 13"	105° 58' 08"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Hưng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 04"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Long	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 13"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Lộc	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 12"	105° 58' 11"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Nam	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 16"	105° 57' 58"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Ninh	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 08"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Tân	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 23"	105° 58' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thái	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 12"	105° 58' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thắng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 11"	105° 58' 16"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thiện	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	105° 58' 07"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thịnh	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 57' 53"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Trọng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 03"	105° 58' 19"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Trung	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 24"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Trực	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 13"					F-48-92-B-d
Bệnh viện Sản nhi Ninh Bình	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
đường 30 tháng 6	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Viện Quân Y 5	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 04"					F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thành	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 05"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đầu Long	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Thành	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 47"	105° 57' 54"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Trung	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 04"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Kỳ Lân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 58"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Nhật Tân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 52"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Tân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 39"	105° 58' 05"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân An	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 02"	105° 57' 35"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Khang	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 34"	105° 58' 06"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Quý	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 58' 06"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Thịnh	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Trung	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 57' 49"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Văn	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 58' 07"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Nhì	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 02"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Đẩu Long	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 39"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
núi Kỳ Lân	SV	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 55"	105° 57' 58"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 58' 35"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Nam Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 03"	105° 58' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Ngọc Mỹ	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 57"	105° 58' 56"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 58' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Xuân	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 47"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 24"	105° 58' 39"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 1	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 26"	105° 58' 56"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 2	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 21"	105° 58' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 3	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 15"	105° 58' 45"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thanh Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 29"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thuý Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trần Kiên	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trần Phú	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 13"	105° 58' 31"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 11"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Phúc	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 18"	105° 58' 40"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Vạn Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 15"	105° 58' 38"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Xuân 1	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 41"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Xuân 2	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 58' 40"					F-48-92-B-d
bến xe khách Ninh Bình	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 28"					F-48-92-B-d
cảng Ninh Bình	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 59"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
cầu Non Nước (cầu Ninh Bình)	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 58' 57"					F-48-92-B-d
cầu Vân Giang	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
chùa Non Nước	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 47"	105° 58' 48"					F-48-92-B-d
công viên Núi Thúy	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 58' 51"					F-48-92-B-d
đền Trương Hán Siêu	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 46"					F-48-92-B-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 04"	105° 58' 25"	20° 15' 42"	105° 58' 54"	F-48-92-B-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
núi Cánh Diều	SV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 08"	105° 58' 58"					F-48-92-B-d
núi Non Nước	SV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 46"	105° 58' 51"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Lim	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
cầu Vân Giang	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
Chợ Rồng	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 25"	105° 58' 32"					F-48-92-B-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 29"	105° 58' 11"	20° 15' 35"	105° 58' 37"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 10	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d
thôn Bình Khê	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 46"	105° 56' 13"					F-48-92-B-d
thôn Đề Lộc	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 20"	105° 56' 48"					F-48-92-B-d
thôn Ích Duệ	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 00"	105° 56' 55"					F-48-92-B-d
Thôn Hậu	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 16"	105° 57' 12"					F-48-92-B-d
thôn Nguyên Ngoại	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 40"	105° 56' 12"					F-48-92-B-d
thôn Nguyễn Xá	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 19"	105° 56' 16"					F-48-92-B-d
thôn Thượng Bắc	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 17"	105° 56' 34"					F-48-92-B-d
thôn Thượng Nam	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 09"	105° 56' 36"					F-48-92-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 07"					F-48-92-B-d
Thôn Tiền	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 57' 16"					F-48-92-B-d
cầu Tràng An	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 26"	105° 56' 33"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Trường Đại học Hoa Lư	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 21"	105° 57' 08"					F-48-92-B-d
núi Chiều Đổi	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 29"	105° 56' 04"					F-48-92-B-d
núi Đồng So	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 03"	105° 55' 39"					F-48-92-B-d
núi Hang Bụt	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 38"	105° 55' 31"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Đào Công	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 13' 38"	105° 59' 50"					F-48-92-D-b
thôn Đoài Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 21"	106° 00' 12"					F-48-93-C-a
thôn Đoài Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 06"	106° 00' 07"					F-48-93-C-a
thôn Đông Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 20"	106° 00' 30"					F-48-93-C-a
thôn Đông Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	106° 00' 19"					F-48-93-C-a
thôn Khoái Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 17"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
thôn Khoái Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 50"	105° 59' 35"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 52"	105° 59' 15"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Trung	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 13' 15"	105° 59' 36"					F-48-92-D-b
thôn Vĩnh Tiến	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 45"	106° 00' 14"					F-48-93-C-a
thôn Vườn Hoa	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	106° 00' 13"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến xe Phía Đông	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 59' 56"					F-48-92-D-b
cảng Ninh Phúc 1	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	106° 00' 28"					F-48-93-A-c
cảng Ninh Phúc 2	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	106° 01' 05"					F-48-93-C-a
cầu Đông Thịnh	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 20"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
cầu Nam Bình	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	106° 00' 56"					F-48-93-A-c
Chợ Bợi	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 36"	106° 00' 13"					F-48-93-C-a
Chùa Gạo	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 00"	106° 00' 15"					F-48-93-C-a
Đường cao tốc Bắc Nam (Cầu Giẽ - Ninh Bình)	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-93-A-c, F-48-93-C-a
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Nguyễn Công Trứ	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Trần Nhân Tông	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Khu công nghiệp Khánh Phú	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 26"	106° 01' 19"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-A-c
Sông Vạc	TV	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
thôn Cổ Loan Hạ 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 54"	105° 57' 34"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cổ Loan Hạ 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 53"	105° 57' 24"					F-48-92-D-b
thôn Cổ Loan Thượng	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 36"	105° 57' 01"					F-48-92-D-b
thôn Cổ Loan Trung 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 57' 30"					F-48-92-D-b
thôn Cổ Loan Trung 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 14"	105° 57' 22"					F-48-92-D-b
thôn Hoàng Sơn Đông	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 19"	105° 56' 48"					F-48-92-D-b
thôn Hoàng Sơn Tây	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 13"	105° 56' 36"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Sơn 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 57' 05"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Sơn 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 47"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 1	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 53"	105° 57' 13"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 2	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 30"	105° 57' 21"					F-48-92-D-b
chùa Cổ Loan	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 57' 07"					F-48-92-D-b
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d; F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Vân	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
công viên Thành phố Tam Điệp	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 23"	105° 54' 40"					F-48-92-D-b
đường Đồng Giao	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-b
đường Hoàng Quốc Việt	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 29"	105° 54' 27"	20° 09' 12"	105° 54' 24"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-b
Đồi Dài	SV	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 54' 32"					F-48-92-D-b
Tổ dân phố 2	DC	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 03"	105° 53' 56"					F-48-92-D-b
Tổ dân phố 4	DC	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 57"	105° 53' 45"					F-48-92-D-b
Cầu 207	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 29"	105° 52' 06"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Đá Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 49"	105° 51' 53"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Phát triển Nam Sơn	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 11"	105° 52' 23"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Phòng tuyến Tam Điệp, Biện Sơn (khu A)	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 24"	105° 53' 31"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Quang Trung	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b; F-48-92-D-a
Đền Dâu	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 26"	105° 52' 43"					F-48-92-D-b
ga Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 20"	105° 52' 08"					F-48-92-D-a
Quốc lộ 1	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b, F-48-92-D-a
Núi Rếch	SV	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 22"	105° 53' 25"					F-48-92-D-b
Cầu Thủng	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 48"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Vật liệu và Xây lắp Tam Điệp	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 06"	105° 55' 23"					F-48-92-D-b
đền Tráng Sơn	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 26"	105° 55' 07"					F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-b
đồi Lan Bò	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 07"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
Đồi Dài	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 54' 32"					F-48-92-D-b
núi Dóng Than	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 19"	105° 56' 00"					F-48-92-D-b
núi Địa Lý	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 50"	105° 54' 48"					F-48-92-D-b
núi Mả Vối	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 30"	105° 55' 13"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Lớn	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 33"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
Thung Chùa	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 19"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
sông Bến Đang	TV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-b
Tổ dân phố 3	DC	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 05"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
đền Quán Cháo	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 07"	105° 54' 03"					F-48-92-D-b
đường Đồng Giao	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-b
đường Hoàng Quốc Việt	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 29"	105° 54' 27"	20° 09' 12"	105° 54' 24"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Bệnh xá Quân Đoàn 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 16"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
cầu Quân Đoàn 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 02"	105° 55' 29"					F-48-92-D-b
Công ty cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-b
đường Ngô Thì Nhậm	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 23"	105° 55' 00"	20° 08' 43"	105° 55' 26"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 21B	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b
Trường Cao đẳng Nghề Cơ điện Xây dựng Tam Điệp	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 58"	105° 55' 21"					F-48-92-D-b
hồ Yên Thắng 1	TV	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 59"	105° 56' 06"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Đàm Khánh Đông	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 57"	105° 56' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đàm Khánh Tây	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 58"	105° 56' 27"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đồi Cao 1	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 44"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đồi Cao 2	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 45"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Lý Nhân	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 56' 51"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 35"	105° 55' 35"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ghềnh	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 22"	105° 56' 28"					F-48-92-D-b
chùa Lý Nhân	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 21"	105° 56' 38"					F-48-92-D-b
Cầu Do	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 03"	105° 56' 12"					F-48-92-D-b
Cầu Ghềnh	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 44"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Ga Ghềnh	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 14"	105° 56' 23"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới Ninh Bình	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 51"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
núi Dóng Than	SV	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 19"	105° 56' 00"					F-48-92-D-b
Sông Khánh	TV	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 10' 03"	105° 56' 12"	20° 10' 07"	105° 57' 09"	F-48-92-D-b
Thôn 1	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 30"	105° 54' 46"					F-48-92-D-b
Thôn 2	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 44"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
Thôn 3	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 06"	105° 56' 26"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 4A	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 29"	105° 55' 38"					F-48-92-D-b
thôn 4B	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 24"	105° 55' 46"					F-48-92-D-b
thôn 4C	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 40"	105° 55' 26"					F-48-92-D-b
Thôn 5	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 51"	105° 56' 39"					F-48-92-D-b
Thôn 6	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 51"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
Thôn 7	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 38"	105° 57' 22"					F-48-92-D-b
Thôn 8	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 18"	105° 56' 51"					F-48-92-D-d
Thôn 9	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 30"	105° 57' 31"					F-48-92-D-d
Thôn 12	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 14"	105° 54' 44"					F-48-92-D-d
Di tích lịch sử Phòng tuyến Tam Điệp, Biện Sơn (khu B)	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 19"	105° 54' 48"					F-48-92-D-d
đền Quèn Thờ	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 40"	105° 55' 00"					F-48-92-D-b
đường Ngô Thì Nhậm	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 23"	105° 55' 00"	20° 08' 43"	105° 55' 26"	F-48-92-D-b
đường Ninh Tốn	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 08' 43"	105° 55' 26"	20° 07' 22"	105° 57' 55"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b
Đồi Mo	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 15"	105° 56' 49"					F-48-92-D-b
Đồi Ngang	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 08"	105° 56' 19"					F-48-92-D-d
núi Con Lợn	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 06' 48"	105° 56' 38"					F-48-92-D-d
Núi Vàng	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 38"	105° 55' 04"					F-48-92-D-b
hồ Đoòng Đèn	TV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 05"	105° 56' 55"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hồ Mừng	TV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 31"	105° 56' 52"					F-48-92-D-b
thôn Bãi Sải	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 47"	105° 51' 34"					F-48-92-D-a
thôn Hang Nước	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 02"	105° 50' 46"					F-48-92-D-a
thôn Khe Gồi	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 59"	105° 50' 23"					F-48-92-D-a
thôn Sòng Vặn	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 32"	105° 51' 31"					F-48-92-D-a
thôn Tân Hạ	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 19"	105° 52' 52"					F-48-92-D-b
thôn Tân Nam	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 56"	105° 52' 00"					F-48-92-D-a
thôn Tân Nhuận	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 44"	105° 52' 01"					F-48-92-D-a
thôn Tân Thượng	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 30"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
thôn Tân Trung	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 11"	105° 52' 26"					F-48-92-D-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 36"	105° 52' 33"					F-48-92-D-b
thôn Trại Vòng	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 59"	105° 53' 15"					F-48-92-D-b
chùa Quang Sơn	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 31"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
đền Mẫu Thượng	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 31"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
đường Đồng Giao	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b
Nhà máy Xi măng Tam Điệp	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 55"	105° 52' 18"					F-48-92-D-a
đồi Đá Lăn	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 55"	105° 52' 03"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi Kẽm	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 06"	105° 53' 23"					F-48-92-D-b
núi Bà Ba	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 38"	105° 52' 12"					F-48-92-D-a
núi Sung Chi	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 51"	105° 49' 19"					F-48-92-D-a
hồ Núi Vá	TV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 15"	105° 49' 30"					F-48-92-D-a
thôn Đoài Khê	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 20"	105° 53' 29"					F-48-92-D-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 04"	105° 52' 22"					F-48-92-D-a
thôn Khánh Ninh	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 21"	105° 52' 51"					F-48-92-D-b
thôn Lang Ca	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 05"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
Thôn Nguyễn	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 04"	105° 52' 36"					F-48-92-D-b
thôn Vĩnh Khương	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 44"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
thôn Yên Đồng	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 28"	105° 53' 00"					F-48-92-D-b
thôn Yên Lâm	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 54"	105° 53' 43"					F-48-92-D-b
thôn Yên Phong	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 28"	105° 52' 43"					F-48-92-D-b
thôn Yên Trung	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 13"	105° 53' 08"					F-48-92-D-b
cầu Vĩnh Khương	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 54"	105° 52' 15"					F-48-92-D-a
Cầu Thủng	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 48"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b
đền Lăng Ca	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 39"	105° 54' 27"					F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 12B	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
đồi Ba Mào	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 47"	105° 53' 34"					F-48-92-D-b
đồi Đá Lăn	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 55"	105° 52' 03"					F-48-92-D-a
đồi Lan Bò	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 07"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
núi Bà Ba	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 38"	105° 52' 12"					F-48-92-D-a
Núi Con	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 41"	105° 53' 39"					F-48-92-D-b
núi Lũng Vàng	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 59"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
Núi Mọn	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 54"	105° 53' 13"					F-48-92-D-b
đập Sòng Cầu	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 54"	105° 52' 31"					F-48-92-D-b
Hồ Lỳ	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 20"	105° 53' 16"					F-48-92-D-b
sông Bến Đang	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Me	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 52"	105° 50' 10"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mới	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 57"	105° 49' 46"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Cát	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 38"	105° 50' 24"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Sơn	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 50' 52"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Trung	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 50' 33"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Tân Mỹ	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 02"	105° 50' 30"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 50"	105° 50' 56"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Tiến Yết	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 47"	105° 50' 27"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
núi Bồ Đình	SV	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 50' 22"					F-48-92-B-c
Thôn 24	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 35"	105° 50' 49"					F-48-92-B-c
Thôn 25	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 44"	105° 50' 37"					F-48-92-B-c
thôn An Ninh	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 02"	105° 51' 16"					F-48-92-B-c
thôn Bích Thượng	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 16"	105° 50' 59"					F-48-92-B-c
thôn Cầu Vàng	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 16"	105° 51' 29"					F-48-92-B-c
thôn Đá Hàn	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 24' 57"	105° 51' 33"					F-48-92-B-a
thôn Đồi Mai	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 51' 15"					F-48-92-B-c
thôn Đồi Ngô	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 04"	105° 50' 50"					F-48-92-B-a
thôn Giá Thượng	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 58"	105° 51' 47"					F-48-92-B-c
thôn Gọng Vó	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 05"	105° 51' 14"					F-48-92-B-a
thôn Hoàng Quyển	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 51' 46"					F-48-92-B-a
thôn Lộc Lương	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 31"	105° 50' 41"					F-48-92-B-a
thôn Phú Nhuận	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 41"	105° 51' 30"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Sơn	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 50' 44"					F-48-92-B-a
thôn Trung Chính	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 51' 40"					F-48-92-B-c
thôn Vườn Thị	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 03"	105° 51' 58"					F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
đồi Cầu Lân	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 23"	105° 51' 00"					F-48-92-B-c
Đồi Bích	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
núi Ba Chon	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 57"	105° 51' 34"					F-48-92-B-a
núi Bò Lăn	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 50"	105° 52' 49"					F-48-92-B-a
núi Cánh Nỏ	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 50' 08"					F-48-92-B-a
núi Hàm Rồng	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 24' 43"	105° 51' 59"					F-48-92-B-a
núi Hoàng Quyển	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c
núi Mao Gà	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 24' 14"	105° 51' 06"					F-48-92-B-a
núi Mèo Cào	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 24' 26"	105° 50' 24"					F-48-92-B-a
Núi Dê	SV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 19"	105° 50' 20"					F-48-92-B-a
Đầm Cút	TV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Trại Cuốn	TV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn	20° 23' 39"	105° 52' 25"					F-48-92-B-a
Suối Tép	TV	xã Gia Hòa	H. Gia Viễn			20° 25' 06"	105° 51' 13"	20° 23' 59"	105° 52' 13"	F-48-92-B-a
Xóm 1	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 58"	105° 48' 25"					F-48-92-B-a
Xóm 2	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 50"	105° 48' 35"					F-48-92-B-a
Xóm 3	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 39"	105° 48' 31"					F-48-92-B-a
Xóm 4	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 35"	105° 48' 44"					F-48-92-B-a
Xóm 5	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 48' 54"					F-48-92-B-a
Xóm 6	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 10"	105° 48' 57"					F-48-92-B-a
Xóm 7	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 08"	105° 49' 07"					F-48-92-B-a
Xóm 8	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 54"	105° 49' 15"					F-48-92-B-a
Xóm 9	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 44"	105° 48' 49"					F-48-92-B-a
Xóm 10	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 52"	105° 48' 48"					F-48-92-B-a
Xóm 11	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 08"	105° 48' 37"					F-48-92-B-a
Xóm 12	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 16"	105° 48' 39"					F-48-92-B-a
Xóm 13	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 35"	105° 49' 41"					F-48-92-B-a
Chợ Viến	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 58"	105° 48' 42"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
động Hoa Lư	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 06"	105° 49' 15"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mèo Cào	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 26"	105° 50' 24"					F-48-92-B-a
Núi Một	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 36"	105° 48' 18"					F-48-92-B-a
Núi Sún	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 21"	105° 49' 25"					F-48-92-B-a
thung Hoa Lư	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 04"	105° 49' 13"					F-48-92-B-a
Đầm Cút	TV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
xóm Đông Thắng 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 09"	105° 50' 01"					F-48-92-B-c
xóm Đông Thắng 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 04"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c
xóm Lạc Thiện	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 08"	105° 49' 18"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 17"	105° 50' 34"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 13"	105° 50' 31"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 3	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 08"	105° 50' 32"					F-48-92-B-c
xóm Minh Đường	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 41"	105° 49' 18"					F-48-92-B-c
xóm Nam Ninh 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 55"	105° 50' 13"					F-48-92-B-c
xóm Nam Ninh 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 53"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c
xóm Quang Tân	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 00"	105° 50' 09"					F-48-92-B-c
xóm Thắng Lợi	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 01"	105° 50' 03"					F-48-92-B-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 51"	105° 49' 49"					F-48-92-B-c
cầu phao Đồng Chưa	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 35"	105° 49' 47"					F-48-92-B-c
chùa Lạc Khoái	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 46"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Bắc Lãng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 53' 42"					F-48-92-B-d
thôn Đông Lãng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 09"	105° 53' 49"					F-48-92-B-d
thôn Lãng Ngoại	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 10"	105° 52' 52"					F-48-92-B-d
thôn Nam Lãng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 06"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
thôn Tân Long Mỹ	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 13"	105° 54' 06"					F-48-92-B-d
thôn Tây Lãng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 53' 40"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Đài	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 13"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm Cao Bích	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 04"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm Long An	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 32"	105° 53' 36"					F-48-92-B-d
xóm Quyết Tiến	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 19' 56"	105° 53' 57"					F-48-92-B-d
xóm Tân Ngọc	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 02"	105° 54' 09"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
mộ Nguyễn Bặc	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 12"	105° 52' 24"					F-48-92-B-d
Núi Lương	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 31"	105° 54' 01"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Mây	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
Núi Miêu	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 19"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
xóm An Ninh	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 42"	105° 48' 41"					F-48-92-B-c
xóm Đòng Bái	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 17' 32"	105° 48' 59"					F-48-92-B-c
xóm Hòa Bình	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 35"	105° 48' 37"					F-48-92-B-c
xóm Trần Phú	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 53"	105° 48' 52"					F-48-92-B-c
Xóm Hạ	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 12"	105° 49' 01"					F-48-92-B-c
Xóm Thượng	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 08"	105° 48' 47"					F-48-92-B-c
chùa Phúc Hưng	KX	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 51"	105° 48' 33"					F-48-92-B-c
Hang Trâu	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 50"	105° 48' 31"					F-48-92-B-c
núi Bài Thơ	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 19' 14"	105° 48' 21"					F-48-92-B-c
Núi Chùa	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 56"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c
Núi Dậy	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 19' 24"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
núi Hang Cá	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 17' 58"	105° 48' 19"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
xóm 1 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 00"	105° 49' 11"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 36"	105° 50' 08"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 56"	105° 49' 35"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 48"	105° 49' 54"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 53"	105° 49' 38"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 45"	105° 49' 57"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 59"	105° 49' 43"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 16"	105° 49' 52"					F-48-92-B-c
xóm 5 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 57"	105° 49' 48"					F-48-92-B-c
xóm Phong Tĩnh	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 40"	105° 50' 14"					F-48-92-B-c
cầu Thống Nhất	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 28"	105° 49' 57"					F-48-92-B-c
chùa Lỗi Sơn	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 59"	105° 49' 28"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
nhà thờ Đinh Huy Đạo	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 22"	105° 49' 48"					F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Gia Phong	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Đường 477	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 08"	105° 48' 53"					F-48-92-B-c
thôn Kính Chúc	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 43"	105° 48' 35"					F-48-92-B-c
Thôn Đồi	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 20' 53"	105° 48' 49"					F-48-92-B-c
Thôn Làng	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 20' 39"	105° 48' 38"					F-48-92-B-c
Thôn Thượng	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 07"	105° 48' 29"					F-48-92-B-c
Xóm 5	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 35"	105° 49' 14"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 28"	105° 49' 08"					F-48-92-B-c
Cầu Đế	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 21"	105° 47' 53"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-c
thôn Hoài Lai	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 20' 22"	105° 51' 11"					F-48-92-B-c
thôn Phương Hưng	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 20' 57"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
thôn Văn Bòng	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 32"	105° 52' 00"					F-48-92-B-c
thôn Văn Hà 1	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 52"	105° 51' 39"					F-48-92-B-c
thôn Văn Hà 2	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 51' 47"					F-48-92-B-c
thôn Vĩnh Ninh 1	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 22"	105° 52' 06"					F-48-92-B-c
thôn Vĩnh Ninh 2	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 16"	105° 52' 10"					F-48-92-B-c
đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 34"	105° 51' 58"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c
nhà thờ Nguyễn Bặc	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 17"	105° 52' 08"					F-48-92-B-c
Đồi Bích	SV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
Hang Luồn	SV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 18' 08"	105° 52' 33"	20° 19' 27"	105° 50' 03"	F-48-92-B-c
Xóm 1	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 28"	105° 50' 52"					F-48-92-B-c
Xóm 2	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 07"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
Xóm 3	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 43"	105° 51' 49"					F-48-92-B-c
Xóm 4	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 08"	105° 51' 40"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 49"	105° 51' 17"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 03"	105° 51' 32"					F-48-92-B-c
Xóm 7	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 39"	105° 51' 59"					F-48-92-B-c
Xóm 8	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 42"	105° 52' 13"					F-48-92-B-c
Xóm 9	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 24"	105° 52' 13"					F-48-92-B-c
Xóm 10	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 48"	105° 52' 05"					F-48-92-B-c
Xóm 11	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 21"	105° 52' 11"					F-48-92-B-c
chùa Bái Đính	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 28"	105° 51' 46"					F-48-92-B-c
Cầu Đen	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 27"	105° 52' 39"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 479C	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
đồi Sào Ngang	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 46"	105° 51' 37"					F-48-92-B-c
Đồi Sói	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 19"	105° 52' 05"					F-48-92-D-a
Hang Nội	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 10"	105° 52' 11"					F-48-92-D-a
Hang Rồng	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 03"	105° 52' 42"					F-48-92-B-c
núi Chon Diêu	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 23"	105° 50' 43"					F-48-92-B-c
núi Chon Xây	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 11"	105° 50' 46"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Con Lợn	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 10"	105° 52' 51"					F-48-92-B-c
Núi Đính	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 22"	105° 51' 55"					F-48-92-B-c
núi Hang Trai	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 34"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
núi Thung Bình	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 45"	105° 51' 43"					F-48-92-B-c
núi Thung U	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 02"	105° 52' 38"					F-48-92-D-a
núi U Bò	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 50"	105° 50' 50"					F-48-92-B-c
Thung Dẻ	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 33"	105° 53' 01"					F-48-92-D-a
Thung Giác	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 53"	105° 52' 35"					F-48-92-B-c
Thung Lau	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 41"	105° 52' 59"					F-48-92-D-a
Thung Lứa	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 51"	105° 52' 52"					F-48-92-D-a
Thung Mỷ	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 24"	105° 53' 07"					F-48-92-D-b
Thung Rốc	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 35"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
Thung Sọt	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 15"	105° 52' 47"					F-48-92-D-a
Thung Ui	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 29"	105° 52' 53"					F-48-92-D-b
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Sông Rịa	TV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Thần Thiệu	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 18"	105° 54' 29"					F-48-92-B-d
thôn Thiện Hối	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 20' 08"	105° 54' 33"					F-48-92-B-d
xóm Đông Thượng	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 55' 12"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hoàng Long	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 52"	105° 54' 27"					F-48-92-B-d
xóm Hòa Bình	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 46"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d
xóm Nam Hải	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 27"	105° 54' 59"					F-48-92-B-d
xóm Tân Hối	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 09"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
xóm Thanh Long	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 45"	105° 54' 18"					F-48-92-B-d
xóm Trung Chính	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 36"	105° 55' 01"					F-48-92-B-d
cảng Gia Tân	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 20"	105° 54' 52"					F-48-92-B-d
đình Trùng Hạ	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 54' 50"					F-48-92-B-d
đình Trùng Thượng	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 45"	105° 55' 04"					F-48-92-B-d
đình Vân Thị	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 44"	105° 54' 24"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
xóm 1 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 56"	105° 53' 59"					F-48-92-B-d
xóm 1 - Thượng Hòa	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 08"	105° 54' 38"					F-48-92-B-d
xóm 2 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 05"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm 2 - Thượng Hòa	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 24"	105° 55' 06"					F-48-92-B-d
xóm 3 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 54' 40"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 - Thượng Hòa	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 55' 07"					F-48-92-B-d
xóm 4 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 54"	105° 54' 44"					F-48-92-B-d
xóm 4 - Thượng Hòa	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 32"	105° 55' 16"					F-48-92-B-d
xóm 5 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 03"	105° 54' 55"					F-48-92-B-d
xóm 6 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 48"	105° 53' 22"					F-48-92-B-b
cầu Đoan Vĩ	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 51"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
chùa Địch Lộng	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 09"	105° 54' 43"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Xí nghiệp Khai thác đá Gia Thanh	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 12"	105° 54' 47"					F-48-92-B-d
động Địch Lộng	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 08"	105° 54' 41"					F-48-92-B-d
núi Bũng Trống	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 23"	105° 54' 32"					F-48-92-B-d
núi Hoàng Quyển	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c
Núi Lương	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 31"	105° 54' 01"					F-48-92-B-d
Núi Mây	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
Núi Miêu	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 19"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
núi Thong Long	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Vong Trong	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 27"	105° 54' 10"					F-48-92-B-d
đập Đá Hàn	TV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 52"	105° 53' 06"					F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn Đào Lâm	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 55"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
thôn Quốc Thanh	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 48"	105° 52' 22"					F-48-92-B-c
thôn Vân La	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 37"	105° 52' 24"					F-48-92-B-c
Xóm 1	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 19' 05"	105° 52' 09"					F-48-92-B-c
Xóm 2	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 54"	105° 52' 19"					F-48-92-B-c
Xóm 3	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 49"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
Xóm 4	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 50"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Xóm 5	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 42"	105° 52' 29"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 52' 17"					F-48-92-B-c
Xóm 7	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 38"	105° 52' 25"					F-48-92-B-c
Xóm 8	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 52' 37"					F-48-92-B-d
Xóm 9	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 29"					F-48-92-B-c
đền Thánh Nguyễn	KX	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
sông Hoàng Long (nhánh chính)	TV	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hoàng Long (nhánh phụ)	TV	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 18' 08"	105° 52' 33"	20° 19' 27"	105° 50' 03"	F-48-92-B-d
xóm 1 - Đồng Chưa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 02"	105° 49' 43"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 50"	105° 48' 43"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 32"	105° 49' 24"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Trinh Phú	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 43"	105° 49' 21"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Đồng Chưa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 49' 45"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 48' 45"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 33"	105° 49' 19"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Trinh Phú	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 37"	105° 49' 28"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Đồng Chưa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 53"	105° 49' 41"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 01"	105° 48' 42"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 27"	105° 49' 22"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Đồng Chưa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 57"	105° 49' 40"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 49' 17"					F-48-92-B-c
xóm 5 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 24"	105° 49' 15"					F-48-92-B-c
xóm 6 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 23"	105° 49' 20"					F-48-92-B-c
xóm 7 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 24"	105° 49' 30"					F-48-92-B-c
xóm 8 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 17"	105° 49' 25"					F-48-92-B-c
xóm 9 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 20"	105° 49' 15"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
hang Tò Vò	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 55"	105° 48' 47"					F-48-92-B-c
núi Kênh Gà	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 50"	105° 48' 55"					F-48-92-B-c
núi Tò Vò	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 05"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c
Núi Dậy	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 24"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long nhánh chính	TV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 17' 47"	105° 52' 37"					F-48-92-B-d
thôn Hán Bắc	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 26"	105° 52' 27"					F-48-92-B-c
thôn Hán Nam	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 17"	105° 52' 28"					F-48-92-B-c
thôn Thuận Phong	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 17' 29"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Lai	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 05"	105° 52' 52"					F-48-92-B-d
đền Thánh Nguyễn	KX	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-d
núi Cắm Gươm	SV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 00"	105° 53' 16"					F-48-92-B-d
núi Kiếm Lĩnh	SV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 01"	105° 53' 15"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Thôn 1	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 19' 49"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 2	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 56' 22"					F-48-92-B-d
Thôn 3	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 26"	105° 56' 31"					F-48-92-B-d
Thôn 4	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 56"	105° 56' 11"					F-48-92-B-d
Thôn 5	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 45"	105° 55' 56"					F-48-92-B-d
Thôn 6	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 01"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d
cầu Gián Khẩu	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 19' 41"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn An Thái	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 18"	105° 51' 03"					F-48-92-B-c
thôn Bắc Điềm Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 35"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
thôn Chấn Hưng	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 50' 58"					F-48-92-B-c
thôn Đông Chi Phong	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 27"	105° 51' 19"					F-48-92-B-c
thôn Đông Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 29"	105° 51' 34"					F-48-92-B-c
thôn Đức Hậu	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 20"	105° 50' 56"					F-48-92-B-c
thôn Hoàng Long	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 41"	105° 50' 51"					F-48-92-B-c
thôn Nam Điềm Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 21"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
thôn Tây Chi Phong	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 52"	105° 51' 35"					F-48-92-B-c
thôn Trung Đồng	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 45"	105° 52' 07"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hang Luồn	SV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Bích Sơn	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 51' 46"					F-48-92-B-c
thôn Mai Trung	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 23"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Phù Long	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 20' 55"	105° 52' 43"					F-48-92-B-d
thôn Tập Ninh	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 33"	105° 52' 55"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Uy	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 58"	105° 52' 09"					F-48-92-B-c
thôn Tri Lễ	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 02"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 21"	105° 52' 50"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-b, F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Khu du lịch sinh thái Vân Long	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 06"	105° 52' 53"					F-48-92-B-d
Đồi Bích	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
núi Hoàng Quyển	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mèo Cào	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 22"	105° 52' 26"					F-48-92-B-c
Thôn 1	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 06"	105° 50' 08"					F-48-92-B-c
Thôn 2	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 17"	105° 50' 11"					F-48-92-B-c
Thôn 3	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 11"	105° 50' 17"					F-48-92-B-c
Thôn 4	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 11"	105° 50' 32"					F-48-92-B-c
Thôn 5	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 25"	105° 50' 45"					F-48-92-B-c
Thôn 6	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 43"	105° 50' 05"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
Hang Am	SV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 33"	105° 50' 16"					F-48-92-B-c
núi Bồ Đình	SV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 50' 22"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
thôn Đồng Xuân	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 21' 09"	105° 55' 56"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 1	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 55' 17"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 2	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 3	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 42"	105° 55' 08"					F-48-92-B-d
thôn Vũ Đại	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 44"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Hòa	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 51"	105° 55' 23"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mưỡu Giáp	SV	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 52"	105° 54' 54"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Thôn 1	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 08"	105° 49' 17"					F-48-92-B-c
Thôn 2	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 19"	105° 48' 55"					F-48-92-B-c
Thôn 3	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 29"	105° 48' 53"					F-48-92-B-c
Thôn 4	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 49' 23"					F-48-92-B-a
Thôn 5	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 49' 24"					F-48-92-B-a
Thôn 6	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 45"	105° 49' 36"					F-48-92-B-a
Thôn 7	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 49' 38"					F-48-92-B-a
Thôn 8	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 26"	105° 49' 37"					F-48-92-B-c
Thôn 9	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 17"	105° 49' 39"					F-48-92-B-c
Thôn 10	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 09"	105° 49' 34"					F-48-92-B-c
Thôn 11	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 50"	105° 49' 44"					F-48-92-B-c
Thôn 12	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 49' 56"					F-48-92-B-c
Thôn 13	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 46"	105° 50' 05"					F-48-92-B-c
Thôn 14	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 06"	105° 50' 10"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477D	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Đồi Chùa	SV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 11"	105° 49' 32"					F-48-92-B-c
núi Cánh Nỏ	SV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 50' 08"					F-48-92-B-a
Đầm Cút	TV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
tổ dân phố Cầu Huyện	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 57' 05"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đông Nam	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 57' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Mỹ Lộ	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 47"	105° 57' 11"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Bắc	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 56' 59"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Nam	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 38"	105° 57' 01"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thiên Sơn	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 54"	105° 56' 42"					F-48-92-B-d
cầu Thiên Tôn	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 56' 24"					F-48-92-B-d
đền Đa Giá Hạ	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 58"	105° 56' 36"					F-48-92-D-b
đường Đại Cồ Việt	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 18' 00"	105° 57' 04"	20° 17' 45"	105° 56' 24"	F-48-92-B-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 18' 39"	105° 56' 43"	20° 17' 31"	105° 57' 16"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
động Thiên Tôn	SV	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 57"	105° 56' 34"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Voi	SV	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 18' 01"	105° 56' 28"					F-48-92-B-d
thôn Bộ Đầu	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 20"	105° 57' 46"					F-48-92-D-b
thôn Đông Thịnh	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 58' 50"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Mai	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 49"	105° 57' 55"					F-48-92-D-b
xóm Hòa Thiện	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 03"	105° 58' 51"					F-48-92-D-b
xóm Kiến Ái	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 53"	105° 58' 44"					F-48-92-D-b
xóm Trung Đức	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 57"	105° 58' 44"					F-48-92-D-b
Xóm Dinh	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 18"	105° 58' 01"					F-48-92-D-b
Xóm Đình	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 26"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
Xóm Giữa	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Xóm Gòi	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 10"	105° 58' 09"					F-48-92-D-b
cầu Đông Thịnh	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 20"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
cầu Quán Vinh	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 43"	105° 58' 18"					F-48-92-D-b
Cầu Vó	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 37"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
Cầu Yên	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 40"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 29"	105° 57' 42"					F-48-92-D-b
đền Đông Hội	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 57"	105° 59' 06"					F-48-92-D-b
Đường cao tốc Bắc Nam	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ga Cầu Yên	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 15"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
nhà thờ Họ Đào	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 58' 02"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
Sông Vó	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
thôn Bãi Trữ	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 08"	105° 55' 24"					F-48-92-B-d
thôn La Vân	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 39"	105° 56' 38"					F-48-92-B-d
thôn Phong Phú	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 28"	105° 56' 19"					F-48-92-B-d
xóm 1 La Mai	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 44"	105° 56' 43"					F-48-92-B-d
xóm 2 La Mai	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 00"	105° 56' 49"					F-48-92-B-d
xóm Đông Trung Trữ	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 52"	105° 55' 47"					F-48-92-B-d
xóm Nam Trung Trữ	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 36"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d
xóm Tây Trung Trữ	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 49"	105° 55' 36"					F-48-92-B-d
Bến khách ngang sông La	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 09"	105° 57' 00"					F-48-92-B-d
cầu Gián Khẩu	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 41"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
chùa Phong Phú	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 35"	105° 56' 23"					F-48-92-B-d
chùa Trung Trữ	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 36"	105° 55' 38"					F-48-92-B-d
đền Cả La Mai	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 45"	105° 56' 44"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 18' 39"	105° 56' 43"	20° 17' 31"	105° 57' 16"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn Côi Khê	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 55' 44"					F-48-92-D-b
thôn Hải Nham	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 50"	105° 54' 24"					F-48-92-D-b
thôn Khê Ngoài	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 51"	105° 55' 51"					F-48-92-D-b
thôn Khê Trong	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 00"	105° 55' 34"					F-48-92-D-b
thôn Văn Lâm	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 57"	105° 56' 05"					F-48-92-D-b
cầu Đam Khê	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 54"	105° 55' 57"					F-48-92-D-b
chùa Bích Động	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 54' 51"					F-48-92-D-b
Chùa Móc	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 57"	105° 55' 10"					F-48-92-D-b
đền Nội Lâm	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 15' 24"	105° 53' 48"					F-48-92-D-b
đền Thái Vi	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
Đền Vối	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
Đình Các	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
Khu di tích Tam Cốc	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 58"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu du lịch Tam Cốc Bích Động	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 56' 01"					F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Bích Động	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 05"	105° 54' 52"					F-48-92-D-b
hang Am Vừng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 49"	105° 54' 26"					F-48-92-D-b
hang Cây Thị	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 11"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
Hang Ba	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 05"	105° 54' 59"					F-48-92-D-b
Hang Cả	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 45"	105° 55' 44"					F-48-92-D-b
Hang Dình	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 53' 20"					F-48-92-D-b
Hang Hai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 59"	105° 55' 05"					F-48-92-D-b
Hang Hòm	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 37"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
hang Leo Ngành	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 21"	105° 54' 14"					F-48-92-D-b
Hang Thong	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 39"	105° 54' 21"					F-48-92-D-b
Hang Vàng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 52"	105° 54' 23"					F-48-92-D-b
Hang Vạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 46"	105° 54' 47"					F-48-92-D-b
núi Bắp Chùa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 54' 09"					F-48-92-D-b
núi Bực Bài	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
núi Cây Chanh	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 16"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
Núi Con	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 41"	105° 53' 39"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Dãm Sáp	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 54"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
Núi Dãy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 38"	105° 54' 05"					F-48-92-D-b
núi Đàng Máng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 19"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
núi Đá Mõ	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 55' 17"					F-48-92-D-b
núi Đầu Hang Cả	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 43"	105° 55' 32"					F-48-92-D-b
núi Đồng Dạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 44"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b
núi Hang Bải	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 34"	105° 55' 55"					F-48-92-D-b
núi Hang Chùa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 34"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Đùng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 26"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
núi Hang Nấp	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 17"	105° 54' 21"					F-48-92-D-b
núi Hang Sồng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 32"	105° 55' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Vàng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 54' 30"					F-48-92-D-b
núi Láng Trai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 58"	105° 54' 06"					F-48-92-D-b
núi Lè Lè	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 45"	105° 54' 55"					F-48-92-D-b
núi Mả Mua	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 21"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
núi Mỏm Gai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 09"	105° 54' 37"					F-48-92-D-b
núi Quèn Giái	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 55' 48"					F-48-92-D-b
núi Tai Voi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 54"	105° 55' 00"					F-48-92-D-b
núi Thần Lậu	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 51"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
núi Thung U	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 02"	105° 52' 38"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thung Vàu	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 08"	105° 53' 05"					F-48-92-D-a
núi Voi Dộ	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 26"	105° 54' 19"					F-48-92-D-b
núi Vũng Lầy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 31"	105° 53' 42"					F-48-92-D-b
Núi Tướng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 41"	105° 52' 40"					F-48-92-D-a
thung Đồng Lòng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 59"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
thung Hang Múa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 43"	105° 55' 54"					F-48-92-D-b
thung Hang Vạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 41"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
thung Lau Lá	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 17"	105° 53' 19"					F-48-92-D-b
thung Mái Trong	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 53' 59"					F-48-92-D-b
thung Tiều Phay	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 03"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b
Thung Bùi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 04"	105° 54' 41"					F-48-92-D-b
Thung Lang	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 52' 45"					F-48-92-D-a
Thung Ngoài	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 37"	105° 54' 01"					F-48-92-D-b
Thung Thầy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 01"	105° 54' 38"					F-48-92-D-b
Thung Trong	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 24"	105° 54' 06"					F-48-92-D-b
Thung Vàn	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 57"	105° 53' 00"					F-48-92-D-a
Vụng Bưỡi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 16"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
Vụng Chạy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 53"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b
ngòi Bên Đồi	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 53' 27"	20° 13' 08"	105° 55' 06"	F-48-92-D-b
sông Đền Nối	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 14' 15"	105° 54' 16"	20° 12' 28"	105° 56' 18"	F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hệ	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
thôn Áng Ngũ	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 21"	105° 55' 16"					F-48-92-B-d
thôn Áng Sơn	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 39"	105° 55' 57"					F-48-92-B-d
thôn Đại Áng	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 48"	105° 55' 45"					F-48-92-B-d
thôn Ngô Hạ	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 18' 13"	105° 55' 25"					F-48-92-B-d
thôn Ngô Thượng	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 52"	105° 55' 50"					F-48-92-B-d
thôn Quán Vinh	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 39"	105° 56' 10"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Hạ	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 55' 32"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Thượng	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 26"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
xóm Nam Triều	DC	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
cầu Ninh Hòa	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 40"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
cầu Thiên Tôn	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 56' 24"					F-48-92-B-d
chùa Hoa Sơn	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 57"	105° 55' 17"					F-48-92-B-d
đình Ngô Khê Hạ	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 18' 17"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
động Hoa Sơn	SV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 02"	105° 55' 43"					F-48-92-B-d
Hang Dơi	SV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 17' 01"	105° 55' 21"					F-48-92-B-d
núi Đồng So	SV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 03"	105° 55' 39"					F-48-92-B-d
núi Phù Đồ	SV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 20"	105° 55' 19"					F-48-92-B-d
Núi Voi	SV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư	20° 16' 57"	105° 55' 12"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Hòa	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
xóm Đông Hoa	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 13"	105° 57' 17"					F-48-92-B-d
xóm Đông Phú	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 58' 28"					F-48-92-B-d
xóm Khánh Trung	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 10"	105° 57' 25"					F-48-92-B-d
xóm Kim Phú	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 15"	105° 57' 39"					F-48-92-B-d
xóm Phấn Thượng	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 38"	105° 58' 08"					F-48-92-B-d
xóm Phấn Trung	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 41"	105° 58' 15"					F-48-92-B-d
xóm Phú Gia	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 39"	105° 57' 46"					F-48-92-B-d
xóm Tiến Thịnh	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 29"	105° 58' 31"					F-48-92-B-d
Bến khách ngang sông Bồng	KX	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 28"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
đình Bạch Cừ	KX	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 35"	105° 58' 19"					F-48-92-B-d
núi Phú Gia	SV	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 57' 37"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
xóm Đông Đình	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 30"	105° 56' 49"					F-48-92-B-d
xóm Nam Chiêm	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 11"	105° 56' 53"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhân Lý	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 56' 45"					F-48-92-B-d
xóm Quan Đồng	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 56' 32"					F-48-92-B-d
xóm Tân Mỹ	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 57' 17"					F-48-92-B-d
xóm Tây Đình	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 28"	105° 56' 44"					F-48-92-B-d
xóm Thạch Quy	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 56' 50"					F-48-92-B-d
xóm Thạch Tác	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 07"	105° 57' 00"					F-48-92-B-d
xóm Vinh Viên	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 56' 59"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Đình Thượng	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 56' 47"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Núi Dộc	SV	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 56' 32"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Hành Cung	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 14"	105° 57' 06"					F-48-92-D-b
thôn Hạ Trạo	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 12' 50"	105° 57' 15"					F-48-92-D-b
thôn Khả Lương	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 21"	105° 56' 52"					F-48-92-D-b
thôn Tuân Cáo	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 00"	105° 56' 42"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 2	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 57' 21"					F-48-92-D-b
chợ Ninh Thắng	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 08"	105° 57' 06"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Đình Sen	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 10"	105° 57' 01"					F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
núi Bươm Bướm	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
núi Hang Bải	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 34"	105° 55' 55"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Bèo	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 35"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-D-b
Sông Chanh	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Sông Hệ	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
thôn Chấn Lữ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 45"	105° 57' 12"					F-48-92-D-b
thôn Dưỡng Hạ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 42"	105° 55' 59"					F-48-92-D-b
thôn Dưỡng Thượng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 56"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
thôn Đồng Quan	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 57' 18"					F-48-92-D-b
thôn Phú Lăng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 22"	105° 56' 34"					F-48-92-D-b
thôn Tân Dưỡng 1	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 58"	105° 56' 32"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Dưỡng 2	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 01"	105° 56' 29"					F-48-92-D-b
thôn Vạn Lê	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 10' 47"	105° 56' 17"					F-48-92-D-b
Thôn Hệ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 46"	105° 56' 21"					F-48-92-D-b
Thôn Thượng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 49"	105° 56' 39"					F-48-92-D-b
thôn Vũ Xá	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 58"	105° 57' 19"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Phúc	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 29"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 22"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
cảng Hệ Dưỡng	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 27"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
Chùa Tháp	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 32"	105° 54' 49"					F-48-92-D-b
Công ty Xi măng Hệ Dưỡng	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 05"	105° 56' 06"					F-48-92-D-b
đền Hạ Kê Từ	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 44"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
đền Miễu Sơn	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 35"	105° 56' 33"					F-48-92-D-b
đền Thượng Kê Từ	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 41"	105° 56' 32"					F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Trại giam Ninh Khánh	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 55' 15"					F-48-92-D-b
núi Bờ Bớ	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 36"	105° 55' 31"					F-48-92-D-b
núi Đá Bia	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 54' 56"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Mõ	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 55' 17"					F-48-92-D-b
núi Hang Chùa	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 34"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Hốc	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 56"	105° 54' 49"					F-48-92-D-b
núi Lè Lè	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 45"	105° 54' 55"					F-48-92-D-b
núi Lũng Vàng	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 59"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
núi Mả Vối	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 30"	105° 55' 13"					F-48-92-D-b
núi Mỏm Thần	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 19"	105° 55' 49"					F-48-92-D-b
quèn Cổ Yếm	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 19"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Dưới	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 40"	105° 55' 19"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Trên	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 50"	105° 55' 05"					F-48-92-D-b
thung Hang Cỏ	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 21"	105° 54' 36"					F-48-92-D-b
thung Hang Dứa	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 27"	105° 55' 11"					F-48-92-D-b
thung Hang Sấu	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 00"	105° 54' 58"					F-48-92-D-b
thung Quèn Ma	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 09"	105° 55' 56"					F-48-92-D-b
ngòi Bên Đồi	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 53' 27"	20° 13' 08"	105° 55' 06"	F-48-92-D-b
Sông Bé	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 12' 22"	105° 55' 13"	20° 12' 02"	105° 55' 40"	F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vó	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
thôn Khê Hạ	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 11"	105° 56' 18"					F-48-92-D-b
thôn Khê Thượng	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 52"	105° 55' 53"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Áng Ngoại	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 57"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Áng Nội	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 06"	105° 56' 11"					F-48-92-B-d
cầu Tràng An	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 26"	105° 56' 33"					F-48-92-B-d
chùa Bàn Long	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 16"	105° 55' 10"					F-48-92-D-b
chùa Khê Hạ	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 56' 12"					F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Bàn Long	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 17"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
hang Lấm Trong	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 17"	105° 54' 44"					F-48-92-D-b
Hang Múa	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 01"					F-48-92-D-b
núi Bàn Sinh	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 13"	105° 55' 36"					F-48-92-D-b
núi Bực Bài	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
núi Bươm Bướm	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
núi Chiều Đổi	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 29"	105° 56' 04"					F-48-92-D-b
núi Cốt Đèn	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 20"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b
núi Đá Lải	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 27"	105° 55' 38"					F-48-92-D-b
núi Đầu Quèn	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 35"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b
núi Đền Trong	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 11"	105° 55' 35"					F-48-92-D-b
núi Đồng Phủ	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 06"	105° 54' 59"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Kẹm	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 54"	105° 55' 26"					F-48-92-D-b
Núi Ma	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 27"	105° 55' 53"					F-48-92-D-b
núi Hang Bụt	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 38"	105° 55' 31"					F-48-92-B-d
núi Quèn Giái	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 55' 48"					F-48-92-D-b
núi Ri Rom	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 37"	105° 55' 47"					F-48-92-D-b
núi Thần Lậu	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 51"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
thung Hang Cá	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 56"	105° 54' 57"					F-48-92-D-b
thung Hang Chúi	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 37"	105° 54' 54"					F-48-92-D-b
Thung Chuối	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 54"	105° 54' 40"					F-48-92-D-b
Thung Đền	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 07"	105° 55' 41"					F-48-92-D-b
Thung Mây	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 04"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Sông Chanh	TV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Chi Phong	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 53' 32"					F-48-92-B-d
thôn Đông Thành	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 54' 49"					F-48-92-B-d
thôn Tam Kỳ	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 23"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 43"	105° 54' 21"					F-48-92-B-d
thôn Trường An	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 19"	105° 54' 40"					F-48-92-B-d
thôn Trường Sơn	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 36"	105° 54' 02"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trường Thịnh	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 54' 09"					F-48-92-B-d
thôn Trường Xuân	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 47"	105° 54' 03"					F-48-92-B-d
thôn Tụ An	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 19' 03"	105° 55' 04"					F-48-92-B-d
thôn Vàng Ngọc	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 57"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
thôn Yên Trạch	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 46"	105° 54' 42"					F-48-92-B-d
Thôn Bắc	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 24"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
Thôn Đông	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 54' 26"					F-48-92-B-d
Thôn Nam	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
Thôn Tây	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 54' 16"					F-48-92-B-d
Thôn Trung	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
bia Cửa Đông	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 31"	105° 54' 50"					F-48-92-B-d
chùa Kim Ngân	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 01"	105° 53' 57"					F-48-92-B-d
chùa Nhất Trụ	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 21"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
Cầu Đông	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 54' 26"					F-48-92-B-d
đền thờ Thục Tiết công chúa	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 24"	105° 54' 19"					F-48-92-B-d
đền Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 54' 12"					F-48-92-B-d
đền Vua Lê Đại Hành	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 54' 14"					F-48-92-B-d
đình Yên Trạch	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 46"	105° 54' 47"					F-48-92-B-d
Đền Vực	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 52' 53"					F-48-92-B-c
lăng Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 03"	105° 54' 21"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lăng Vua Lê Đại Hành	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 47"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
Nhà máy Gạch Sông Chanh	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 19' 00"	105° 54' 57"					F-48-92-B-d
phủ Đông Vương	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
phủ Kình Thiên	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 54' 29"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hóa và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Am Tiên	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 59"	105° 54' 43"					F-48-92-B-d
Hang Bin	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 35"	105° 53' 23"					F-48-92-B-d
Hang Lôi	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 46"	105° 54' 58"					F-48-92-B-d
Hang Luồn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 29"	105° 54' 32"					F-48-92-B-d
Hang Muối	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 33"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
Hang Quàn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 09"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d
Hang Tối	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 43"	105° 53' 50"					F-48-92-B-d
Hang Vông	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 19"	105° 53' 27"					F-48-92-B-d
núi Chùa Am	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 22"	105° 54' 05"					F-48-92-B-d
núi Chùa Thủ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 50"	105° 53' 33"					F-48-92-B-d
núi Con Lợn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 10"	105° 52' 51"					F-48-92-B-c
núi Cốt Đèn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 20"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi đá Trường Yên	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 59"	105° 54' 18"					F-48-92-B-d
núi Đồng Mang	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 34"	105° 53' 44"					F-48-92-B-d
núi Nắc Nẻ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 12"	105° 54' 52"					F-48-92-B-d
núi Ngọn Đèn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 12"	105° 54' 34"					F-48-92-B-d
núi Phù Đồ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 20"	105° 55' 19"					F-48-92-B-d
núi Thung Giữa	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 16"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
Núi Nghẽn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 53' 42"					F-48-92-B-d
thung Ang Mương	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 41"	105° 54' 27"					F-48-92-B-d
Thung Đa	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 46"	105° 53' 02"					F-48-92-B-c
Thung La	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 01"	105° 52' 56"					F-48-92-B-c
Thung Láng	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 16"	105° 53' 38"					F-48-92-B-d
Thung Lổ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 21"	105° 54' 02"					F-48-92-B-d
Thung Mậu	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 16"	105° 53' 56"					F-48-92-B-d
Thung Thuốc	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 18"	105° 53' 20"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
sông Sào Khê	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Khối 1	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 37"	106° 02' 35"					E-48-9-A-a
Khối 2	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 39"	106° 03' 06"					E-48-9-A-a
Khối 3	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 38"	106° 03' 13"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khối 4	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 34"	106° 03' 35"					E-48-9-A-a
Khối 5	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 34"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a
Khối 6	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 27"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a
Khối 7	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 24"	106° 03' 49"					E-48-9-A-a
Khối 8	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 13"	106° 03' 57"					E-48-9-A-a
Khối 9	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 02"	106° 04' 02"					E-48-9-A-a
Khối 10	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 42"	106° 04' 09"					E-48-9-A-a
Khối 11	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 38"	106° 04' 19"					E-48-9-A-a
Khối 12	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 43"	106° 05' 18"					E-48-9-A-a
Khối 13	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 23"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a
bến xe Thị trấn Bình Minh	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 11"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
cầu Tô Hiệu	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 40"	106° 04' 22"					E-48-9-A-a
đường Ven Biển	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 59' 10"	106° 05' 27"	19° 59' 56"	106° 02' 02"	E-48-9-A-a
Đường tỉnh 481	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 58' 41"	106° 04' 22"	19° 59' 11"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mặn	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
sông Cà Mau	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	E-48-9-A-a
Sông Đáy	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Kiến Thái	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 46"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Năm Dân	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 05' 06"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Đông	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 04' 44"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Nam	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 21"	106° 04' 46"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Tây	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 31"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phú Vinh	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 37"	106° 04' 52"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Thượng Kiệm	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 39"	106° 05' 02"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Trì Chính	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 44"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
bến xe khách Kim Sơn	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 41"	106° 05' 16"					F-48-93-C-c
cầu Kiến Trung	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 42"	106° 05' 28"					F-48-93-C-c
cầu Trì Chính	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 05' 09"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481B	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
nhà thờ Đá Phát Diệm	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 36"	106° 04' 41"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 55"	106° 06' 31"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 51"	106° 06' 28"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 45"	106° 06' 18"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 23"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 54"	106° 06' 49"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 22"	106° 06' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 04"	106° 06' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 15"	106° 06' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 31"	106° 07' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 07' 54"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 08' 03"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 05' 00"	106° 07' 47"					F-48-93-C-d
Xóm 14	DC	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 04' 23"	106° 08' 16"					F-48-93-C-d
cầu Ân Hòa II	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 27"	106° 07' 08"					F-48-93-C-c
cầu Quy Hậu	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 07' 00"					F-48-93-C-c
Cầu 18	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn	20° 08' 44"	106° 05' 42"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481D	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 482	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Ân Hòa	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 21"	106° 07' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 06"	106° 08' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 03"	106° 07' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 12"	106° 07' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 58"	106° 07' 51"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 53"	106° 07' 46"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 51"	106° 07' 41"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 41"	106° 07' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 40"	106° 07' 42"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 08' 45"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 14"	106° 08' 30"					F-48-93-C-d
Bến khách ngang sông Chất Thành - Nghĩa Hồng	KX	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 08' 53"					F-48-93-C-d
đền Chất Thành	KX	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 52"	106° 07' 52"					F-48-93-C-c
đền Làng Quyết Bình	KX	xã Chất Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 55"	106° 07' 36"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Chất Bình	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-d, F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Chất Bình	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Chất Bình	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
thôn Cách Tâm	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 42"	106° 08' 05"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đường 10	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 07' 41"	106° 08' 39"					F-48-93-C-b
thôn Hàm Phu	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 10"	106° 08' 13"					F-48-93-C-b
thôn Lưu Thanh	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 08' 16"					F-48-93-C-b
thôn Mông Hưu	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 20"	106° 08' 14"					F-48-93-C-b
thôn Thành Đức	DC	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 55"	106° 08' 00"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 58"	106° 04' 43"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 48"	106° 04' 20"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 35"	106° 04' 30"					E-48-9-A-a
xóm 7A Đông	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 19"	106° 04' 32"					E-48-9-A-a
xóm 7A Tây	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 19"	106° 04' 11"					E-48-9-A-a
Xóm 7B	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 56"	106° 04' 33"					E-48-9-A-a
Xxóm 7C	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 56"	106° 04' 14"					E-48-9-A-a
Xóm 8A	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 51"	106° 04' 51"					E-48-9-A-a
Xóm 8B	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 26"	106° 04' 48"					E-48-9-A-a
Xóm 9	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 35"	106° 04' 09"					E-48-9-A-a
cầu Tô Hiệu	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 40"	106° 04' 22"					E-48-9-A-a
cống Chợ Cồn Thoi	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 44"	106° 04' 08"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 481	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			19° 58' 41"	106° 04' 22"	19° 59' 11"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
sông Kè Đông	TV	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			19° 59' 12"	106° 04' 19"	19° 59' 13"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Sông Đáy	TV	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 04' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 00"	106° 04' 31"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 02' 47"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 19"	106° 04' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 14"	106° 04' 55"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 04"	106° 05' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 54"	106° 04' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 14"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 02' 57"	106° 05' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 02' 41"	106° 05' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 02' 43"	106° 05' 48"					F-48-93-C-c
cầu Định Hóa	KX	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 59"	106° 04' 29"					F-48-93-C-c
chùa Tuy Định	KX	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 25"	106° 04' 23"					F-48-93-C-c
đền Tuy Định	KX	xã Định Hóa	H. Kim Sơn	20° 03' 24"	106° 04' 24"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Định Hóa	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Định Hóa	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Định Hóa	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 49"	106° 05' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 42"	106° 05' 13"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 19"	106° 05' 24"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 06"	106° 05' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 55"	106° 05' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 38"	106° 05' 43"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 06' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 03' 46"	106° 07' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 04' 45"	106° 06' 34"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 59"	106° 05' 50"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 07"	106° 05' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 14	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 17"	106° 05' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 05' 35"					F-48-93-C-c
Xóm 16	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 33"	106° 05' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 17	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 05' 30"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 482	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vực	TV	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 06' 02"	106° 06' 11"	20° 03' 28"	106° 07' 21"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 43"	106° 07' 12"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 19"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 03"	106° 07' 33"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 29"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 35"	106° 07' 23"					F-48-93-C-a
Xóm 6 + 7	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 44"	106° 07' 23"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 26"	106° 07' 36"					F-48-93-C-d
Xóm 9	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 08' 02"	106° 07' 21"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 06' 51"	106° 07' 47"					F-48-93-C-d
Xóm 11 + 12	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 39"	106° 07' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 08' 30"	106° 06' 59"					F-48-93-C-a
Xóm 14	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 08' 27"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 481D	KX	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-d
Sông Ân	TV	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 04' 51"	106° 07' 37"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 06' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 48"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 38"	106° 06' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 45"	106° 06' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 53"	106° 06' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 08' 04"	106° 06' 00"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 07' 47"	106° 05' 59"					F-48-93-C-a
Xóm 11	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 58"	106° 06' 23"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 06' 35"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 14	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 14"	106° 06' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 04' 06"	106° 08' 01"					F-48-93-C-d
chợ Quy Hậu	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 06' 55"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 482	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
xóm Kim Đài	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 06' 50"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 04' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 59"	106° 05' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 05' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 07"	106° 05' 09"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 05' 04"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 23"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 7A	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 49"	106° 05' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 7B	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 34"	106° 05' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 04' 24"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
cầu Kiến Trung	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 42"	106° 05' 28"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481B	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Trung tâm hướng nghiệp và mục vụ Phát Diệm	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 53"	106° 05' 07"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Ân	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 08' 09"	106° 06' 34"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 39"	106° 06' 54"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 23"	106° 07' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 59"	106° 06' 50"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 34"	106° 07' 05"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 19"	106° 07' 14"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 44"	106° 07' 05"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 04"	106° 07' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 06' 41"	106° 07' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 46"	106° 07' 52"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 06' 00"	106° 07' 54"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 24"	106° 08' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 10"	106° 08' 23"					F-48-93-C-d
đình Làng Tức Hiêu	KX	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 46"	106° 06' 47"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481D	KX	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Sông Ân	TV	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 58' 19"	106° 04' 58"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 59"	106° 04' 33"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 52"	106° 04' 13"					E-48-9-A-a
Xóm 4	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 29"	106° 04' 38"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 49"	106° 04' 35"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 05"	106° 03' 58"					E-48-9-A-a
bến xe Kim Đông	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 28"	106° 04' 43"					E-48-9-A-a
cầu Kênh Tưới	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 49"	106° 04' 23"					E-48-9-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 31"	106° 04' 38"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
Cửa Đáy	TV	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 10"	106° 06' 15"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mặn	TV	xã Kim Đông	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 39"	106° 01' 57"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 21"	106° 02' 25"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 08"	106° 02' 53"					E-48-9-A-a
Xóm 4	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 58' 42"	106° 02' 38"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 58' 51"	106° 02' 13"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 12"	106° 01' 54"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bến khách ngang sông Càn	KX	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 09"	106° 01' 25"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mặn	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
sông C10	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			19° 58' 00"	106° 02' 07"	19° 59' 07"	106° 02' 58"	E-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
xóm An Hải	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	19° 59' 57"	106° 02' 59"					E-48-9-A-a
xóm Mỹ Chính	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 12"	106° 04' 07"					F-48-93-C-c
xóm Mỹ Hóa	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 49"	106° 04' 06"					F-48-93-C-c
xóm Mỹ Hợp	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 00"	106° 03' 20"					E-48-9-A-a
xóm Phụ Cấp	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 45"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c
xóm Tân Văn	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 25"	106° 03' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 38"	106° 04' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 47"	106° 04' 13"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 31"	106° 04' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 50"	106° 04' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 21"	106° 04' 45"					F-48-93-C-c
cầu Kim Mỹ	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 18"					F-48-93-C-c
cống Chợ Cồn Thoi	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	19° 59' 44"	106° 04' 08"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
sông Cà Mau	TV	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c, F-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 59"	106° 06' 16"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 49"	106° 05' 52"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 33"	106° 05' 05"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 57"	106° 05' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 41"	106° 05' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 11"	106° 05' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 21"	106° 05' 58"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 16"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 06' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 01"	106° 05' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 53"	106° 05' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 48"	106° 06' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 01"	106° 05' 33"					F-48-93-C-c
bến khách ngang sông Cống Bốn Thước	KX	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 55"	106° 06' 15"					F-48-93-C-c
Bến khách ngang sông Cống Phát Diệm	KX	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 02' 09"	106° 06' 34"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Kim Tân	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 58' 14"	106° 03' 44"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 56"	106° 03' 59"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 49"	106° 04' 00"					E-48-9-A-a
Xóm 4	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 58' 12"	106° 03' 35"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 51"	106° 03' 37"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 25"	106° 03' 59"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mặn	TV	xã Kim Trung	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 05"	106° 01' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 2A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 56"	106° 02' 57"					F-48-93-C-c
Xóm 2B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 40"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 42"	106° 02' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 42"	106° 02' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 19"	106° 02' 38"					F-48-93-C-c
Xóm 7A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 36"	106° 03' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 7B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 46"	106° 03' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 01' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 9A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 02' 57"					F-48-93-C-c
Xóm 9B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 18"	106° 02' 47"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 10	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 59"	106° 02' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 57"	106° 02' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 06"	106° 02' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 02"	106° 03' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 14A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 58"	106° 03' 38"					F-48-93-C-c
Xóm 14B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 29"	106° 04' 02"					F-48-93-C-c
bến xe Lai Thành	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 48"	106° 02' 35"					F-48-93-C-c
cầu Tuy Hòa	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Bình Sa	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 02"	106° 03' 58"	20° 04' 38"	106° 02' 55"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
sông Lai Thành	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 51"	106° 04' 24"	20° 03' 49"	106° 02' 33"	F-48-93-C-c
sông Yên Lâm	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 52"	106° 01' 42"	20° 04' 29"	106° 02' 47"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 06' 55"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 06' 47"	106° 04' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 56"	106° 04' 29"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 48"	106° 04' 34"					F-48-93-C-c
Xóm 5A	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 38"	106° 04' 25"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5B	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 28"	106° 04' 28"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 16"	106° 04' 48"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 08"	106° 04' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 18"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 06"	106° 04' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 03' 01"	106° 05' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 02' 04"	106° 06' 05"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 03' 09"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 02' 30"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 53"	106° 06' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 06"	106° 06' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 31"	106° 06' 28"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 21"	106° 06' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 08"	106° 06' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 07' 31"					F-48-93-C-d
Xóm 8	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 06' 32"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 05' 49"	106° 06' 55"					F-48-93-C-c
đền Như Độ	KX	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 17"	106° 05' 55"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Như Hòa	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Như Hòa	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
miếu Tuần Lễ	KX	xã Như Hòa	H. Kim Sơn	20° 07' 10"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Như Hòa	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Như Hòa	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Như Hòa	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 17"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 33"	106° 06' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 06' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 11"	106° 06' 14"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 06' 04"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 07' 49"	106° 05' 13"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 45"	106° 05' 44"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 05' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 10"	106° 05' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 05' 55"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 05' 22"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 14	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 04' 43"	106° 06' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 07' 19"					F-48-93-C-c
Xóm 16	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 09"	106° 06' 04"					F-48-93-C-c
bến phà Quang Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 03' 31"	106° 07' 30"					F-48-93-C-d
cầu Quang Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 02"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
chùa Lạc Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 03"	106° 06' 02"					F-48-93-C-c
đền Thờ Nguyễn Công Trứ	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 02"	106° 06' 05"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
miếu Lạc Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 23"	106° 05' 51"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Sông Vực	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 06' 02"	106° 06' 11"	20° 03' 28"	106° 07' 21"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 03' 29"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 46"	106° 03' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 03' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 04' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 04' 10"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 6	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 44"	106° 04' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 30"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 34"	106° 05' 22"					F-48-93-C-c
Cầu Yêm	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 07' 01"	106° 03' 20"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
xóm An Cư	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
xóm Vinh Ngoại	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 17"	106° 05' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 04' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 51"	106° 04' 21"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 16"	106° 04' 43"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 58"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 05' 21"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 04' 31"	106° 05' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 03' 52"	106° 05' 49"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 02' 44"	106° 06' 16"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 03' 19"	106° 06' 29"					F-48-93-C-c
đình Thượng Kiệm	KX	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 11"	106° 04' 47"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
xóm An Cư	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 00"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
xóm Bắc Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 23"	106° 04' 30"					F-48-93-C-c
xóm Đông Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 56"	106° 05' 23"					F-48-93-C-c
xóm Đông Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 17"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
xóm Đông Thổ	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 10"	106° 04' 31"					F-48-93-C-c
xóm Hoành Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
xóm Hoành Trực	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 14"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
xóm Khanh Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 29"	106° 04' 32"					F-48-93-C-c
xóm Nam Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 49"	106° 05' 42"					F-48-93-C-c
xóm Ninh Cư	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 02"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm Tây Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 00"	106° 05' 19"					F-48-93-C-c
xóm Tây Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
xóm Tây Thổ	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 17"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm Trung Chính	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 09"	106° 04' 40"					F-48-93-C-c
Xóm Một	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 05"	106° 04' 11"					F-48-93-C-c
cầu Kim Mỹ	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 18"					F-48-93-C-c
cầu Việt Nhật	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 26"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Càn	TV	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
thôn Chỉ Thiện	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 48"	106° 08' 19"					F-48-93-C-b
thôn Dũng Thúy	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 09' 09"	106° 08' 24"					F-48-93-C-b
thôn Huệ Địch	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 39"	106° 08' 18"					F-48-93-C-b
thôn Năng An	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 37"	106° 08' 38"					F-48-93-C-b
thôn Như Sơn	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 09' 02"	106° 08' 33"					F-48-93-C-b
thôn Xuân Hồi	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 55"	106° 08' 21"					F-48-93-C-b
Thôn 10	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 08' 56"					F-48-93-C-b
Cầu Đen	KX	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 12"	106° 09' 11"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 11"	106° 04' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 23"	106° 03' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 06' 18"	106° 03' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 06' 12"	106° 03' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 52"	106° 03' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 17"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 04' 20"	106° 04' 14"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 04' 49"	106° 03' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 05"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 13"	106° 03' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 51"	106° 02' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 53"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
cầu Tuy Hòa	KX	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c
đình Thượng Tuy Lộc	KX	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 45"	106° 02' 21"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 07' 45"	106° 03' 58"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 04' 21"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 07"	106° 04' 16"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 35"	106° 04' 50"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 43"	106° 04' 56"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Yên Mật	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Yên Mật	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 20"	105° 44' 47"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Đồng Tâm	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 09"	105° 44' 41"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Hòe Thị	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 14"	105° 44' 49"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Hồng Lai	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 13"	105° 44' 20"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Liêu Trung	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 18' 59"	105° 44' 33"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Nam Giang	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 24"	105° 44' 32"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Phong Lạc	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 23"	105° 45' 01"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Tân Lập	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 31"	105° 44' 45"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tân Nhất	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 04"	105° 44' 58"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tân Tiến	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 27"	105° 44' 35"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tiên Lạo	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 30"	105° 44' 27"					F-48-92-A-d
Tổ dân phố Bái	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 32"	105° 44' 57"					F-48-92-A-d
bến xe Nho Quan	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 25"	105° 44' 50"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 477	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
Quốc lộ 12B	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d
sông Hoàng Long	TV	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Lạng	TV	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
thôn Bãi Cả	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 03"	105° 42' 37"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Bót	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 55"	105° 44' 42"					F-48-92-A-d
thôn Đồng Quân	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 48"	105° 44' 17"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Tâm	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 22"	105° 43' 51"					F-48-92-A-d
thôn Nga 1	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 55"	105° 43' 14"					F-48-92-C-b
thôn Nga 2	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 37"	105° 43' 27"					F-48-92-C-b
thôn Nga 3	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 24"	105° 43' 18"					F-48-92-C-b
thôn Sấm 1	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 16"	105° 42' 00"					F-48-92-C-b
thôn Sấm 2	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 26"	105° 41' 22"					F-48-92-C-b
thôn Sấm 3	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 17"	105° 41' 03"					F-48-92-C-b
đền Quèn Thạch	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 43"	105° 44' 03"					F-48-92-C-b
Đường tỉnh 479D	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-A-d, F-48-92-C-b
khu du lịch Xóm Bống	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 21' 12"	105° 35' 21"					F-48-92-A-c
khu du lịch Xóm Đăn	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 20' 04"	105° 36' 49"					F-48-92-A-c
Vườn Quốc gia Cúc Phương	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 20' 06"	105° 34' 45"					F-48-92-A-c
dãy núi Trường Sơn	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan							
động Người Xưa	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 44"	105° 40' 01"					F-48-92-A-d
núi Măng Khanh	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 41"	105° 43' 05"					F-48-92-C-b
núi Quèn Gà	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 11"	105° 43' 31"					F-48-92-C-b
núi Song Đao	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 51"	105° 42' 56"					F-48-92-C-b
núi Trầm Tru	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 46"	105° 43' 11"					F-48-92-A-d
Quèn Đang	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 40' 37"					F-48-92-A-d
Quèn Seo	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 44"	105° 39' 26"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quèn Voi	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 30"	105° 39' 55"					F-48-92-A-d
thung Nước Hồ	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 55"	105° 41' 15"					F-48-92-A-d
thung Vãng Lay	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 36"	105° 41' 31"					F-48-92-A-d
thung Vó Sống	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 12"	105° 42' 06"					F-48-92-A-d
Thung Bông	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 42' 39"					F-48-92-A-d
Thung Đin	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 20"	105° 44' 01"					F-48-92-C-b
Thung Lá	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 30"	105° 42' 04"					F-48-92-A-d
Thung Môn	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 56"	105° 42' 56"					F-48-92-A-d
Thung San	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 47"	105° 43' 01"					F-48-92-A-d
Hồ Mạc	TV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 30"	105° 42' 24"					F-48-92-A-d
thôn Lạng Uyển	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 51"	105° 43' 54"					F-48-92-A-d
thôn Liêu Thượng	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 57"	105° 44' 10"					F-48-92-A-d
thôn Phong Lai 1	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 41"	105° 44' 11"					F-48-92-A-d
thôn Phong Lai 2	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 34"	105° 44' 10"					F-48-92-A-d
thôn Phong Thành	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 44"	105° 43' 53"					F-48-92-A-d
thôn Trại Lạo	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 52"	105° 44' 15"					F-48-92-A-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 56"	105° 44' 29"					F-48-92-A-d
Thôn Cối	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 13"	105° 43' 08"					F-48-92-A-d
cầu Lập Cập	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 53"	105° 43' 22"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 479D	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-A-d
Quốc lộ 12B	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trạm biến áp 500KV Nho Quan	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 53"	105° 44' 00"					F-48-92-A-d
Núi Cối	SV	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 38"	105° 43' 56"					F-48-92-A-d
Sông Lạng	TV	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d
thôn Cao Thắng	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 18"	105° 47' 21"					F-48-92-B-c
thôn Cổ Định	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 49"	105° 47' 02"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Quan 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 49"	105° 47' 24"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Quan 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 45"	105° 47' 33"					F-48-92-B-c
thôn Nho Phong	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 21' 09"	105° 47' 47"					F-48-92-B-c
thôn Phú Cường	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 54"	105° 48' 08"					F-48-92-B-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 48"	105° 48' 09"					F-48-92-B-c
thôn Sơn Lũy 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 58"	105° 48' 11"					F-48-92-B-c
thôn Sơn Lũy 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 56"	105° 48' 13"					F-48-92-B-c
thôn Thần Lũy 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 07"	105° 48' 00"					F-48-92-B-c
thôn Thần Lũy 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 07"	105° 48' 07"					F-48-92-B-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 21' 07"	105° 47' 04"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
núi Đầu Cóc	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 10"	105° 48' 23"					F-48-92-B-c
núi Đầu Rồng	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 10"	105° 46' 50"					F-48-92-B-c
núi Sụ Đội	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 48"	105° 46' 43"					F-48-92-B-c
núi Tò Vò	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 05"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Đới	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 31"	105° 46' 45"					F-48-92-B-c
Núi Hao	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 04"	105° 47' 04"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-c
Thôn 1	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 32"	105° 46' 29"					F-48-92-B-a
Thôn 2	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 21"	105° 46' 26"					F-48-92-B-a
Thôn 3	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 57"	105° 46' 16"					F-48-92-B-a
Thôn 4	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 44"	105° 45' 28"					F-48-92-B-a
Thôn 5	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 45' 58"					F-48-92-B-a
Thôn 6	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 50"	105° 46' 15"					F-48-92-B-a
Thôn 7	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 43"	105° 46' 27"					F-48-92-B-a
Thôn 8	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 31"	105° 46' 55"					F-48-92-B-a
Thôn 9	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 47' 08"					F-48-92-B-c
Thôn 10	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 31"	105° 46' 36"					F-48-92-B-a
cầu Đất Đỏ	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 19"	105° 45' 37"					F-48-92-B-a
cầu Đề Thượng	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 42"	105° 46' 35"					F-48-92-B-a
Cầu Na	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 46' 39"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
Hang Na	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 09"	105° 45' 27"					F-48-92-A-b
núi Con Ngựa	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 24' 11"	105° 45' 36"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đầu Ngựa	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 24' 29"	105° 45' 34"					F-48-92-B-a
núi Đồng Vươn (núi Đồng Vượn)	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 07"	105° 45' 14"					F-48-92-A-b
sông Canh Bầu	TV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 22' 22"	105° 46' 39"	20° 21' 57"	105° 48' 19"	F-48-92-B-c
Sông Na	TV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 24' 00"	105° 45' 04"	20° 22' 22"	105° 46' 39"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
thôn Đông Minh	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 05"	105° 47' 01"					F-48-92-B-a
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 59"	105° 46' 09"					F-48-92-B-a
thôn Nga Mai	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 24"	105° 47' 34"					F-48-92-B-a
thôn Ninh Thủy	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 20"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
thôn Quang Trường	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 52"	105° 47' 37"					F-48-92-B-a
thôn Thanh Quyết	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 19"	105° 47' 21"					F-48-92-B-a
thôn Xuân Long	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 37"	105° 46' 54"					F-48-92-B-a
Đường tỉnh 479	KX	xã Gia Sơn	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-a
núi Con Ngựa	SV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 11"	105° 45' 36"					F-48-92-B-a
núi Đầu Ngựa	SV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 29"	105° 45' 34"					F-48-92-B-a
hồ Vườn Điều	TV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 31"	105° 45' 46"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
thôn Cây Xa	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 03"	105° 47' 52"					F-48-92-B-a
thôn Hoàng Long	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 05"	105° 48' 12"					F-48-92-B-c
thôn Liên Phương	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 21' 54"	105° 48' 17"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mai Xá	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 45"	105° 47' 33"					F-48-92-B-a
thôn Minh Giang	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 10"	105° 48' 09"					F-48-92-B-c
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 48' 01"					F-48-92-B-a
thôn Mỹ Thịnh	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 08"	105° 47' 37"					F-48-92-B-a
thôn Mỹ Thượng	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 15"	105° 47' 23"					F-48-92-B-a
thôn Ngọc Nhị	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 43"	105° 48' 35"					F-48-92-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 25"	105° 48' 04"					F-48-92-B-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 33"	105° 48' 05"					F-48-92-B-a
Thôn Chùa	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 54"	105° 47' 46"					F-48-92-B-a
bến khách ngang sông Canh Bầu	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 21' 58"	105° 48' 19"					F-48-92-B-c
chùa Mỹ Hạ	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
đình Mỹ Hạ	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 58"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
đình Ngọc Nhị	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 39"	105° 48' 42"					F-48-92-B-a
sông Canh Bầu	TV	xã Gia Thủy	H. Nho Quan			20° 22' 22"	105° 46' 39"	20° 21' 57"	105° 48' 19"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Thủy	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c

(Xem tiếp Công báo số 681 + 682)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng